

Bản án số: 67/2019/HS-ST
Ngày 19-12-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Nhu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn T Hải và bà Nguyễn Thị Hạnh Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Văn Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 70/2019/TLST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Đình T, sinh ngày 14/6/2001 tại huyện T, tỉnh Hải Dương; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình H và bà Trương Thị L; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam tại trại tam giam Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 07/8/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Những người bị hại:**

- Ông Lê Đình H, sinh năm 1975 và bà Trương Thị L, sinh năm 1978; đều trú tại: Thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Đình T là con của ông Lê Đình H và bà Trương Thị L. Khoảng 23 giờ ngày 31/7/2019, T đi chơi về và vào phòng ông H và bà L hỏi vay số tiền 3 triệu đồng để chuộc xe máy trả bạn nhưng ông H và bà L không cho vay. T đi xuống

phòng ngủ của mình (nhà ngang) lấy 01 con dao bằng kim loại dài 53cm, rộng 05cm (loại dao tự chế) rồi quay trở lại phòng của ông H, bà L, lúc này ông H, bà L đang ngồi trên giường. T lấy dây nylon buộc cửa phòng từ phía trong, đồng thời cầm dao tiến về phía giường của ông H, bà L, T thấy 02 điện thoại di động của ông H, bà L để ở đầu giường nên đã cầm lấy và cho vào túi quần, mục đích để ông H, bà L không gọi điện cho người đến cứu được. T nói với ông H, bà L "thế ông bà có giúp tôi không", bà L nói "tao không có tiền", nghe vậy T cầm dao tự chế ở tay phải đâm về phía người ông H, ông H lùi lại tránh và dùng chân đá mũi dao nên dao không trúng người. T đe dọa "nếu không có 3 triệu, đêm nay ông bà phải chết", bà L nói "tao không có tiền, một nghìn tao cũng không có", T tiếp tục đe dọa "nếu ông bà không đưa tiền tôi sẽ đâm chết ông bà đêm nay". Do sợ hãi nên ông H, bà L đã phải đưa cho T 3 triệu đồng. T cầm tiền và bảo ông H lấy xe máy chở T đến xã Ứng Hòa, huyện Ninh Giang để chuộc xe máy. Trước khi đi, T đã để lại con dao ở nhà, sau khi đến xã Ứng Hòa, huyện Ninh Giang, T đưa trả lại ông H 02 điện thoại di động.

Ngày 01/8/2019, ông H và bà L có đơn trình báo hành vi chiếm đoạt tài sản của T và nộp 01 con dao bằng kim loại do T bỏ lại.

Tại bản Cáo trạng số 68/VKS - HS ngày 18 tháng 11 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ đã truy tố bị cáo về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ giữ nguyên quan điểm như đã truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Lê Đình T phạm tội "cướp tài sản"; áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam, 07/8/2019; về hình phạt bổ sung: không áp dụng; về trách nhiệm dân sự: không đặt ra giải quyết; về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 con dao tự chế; về án phí: buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Lê Đình T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại là ông Lê Đình H và bà Trương Thị L cũng khai như lời khai tại Cơ quan điều tra. Ông H, bà L không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 3 triệu đồng mà tự nguyện cho bị cáo số này, không có ý kiến gì về trách nhiệm dân sự và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án này, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tứ Kỳ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại và các tài liệu thu được tại hồ sơ nên có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 23 giờ ngày 31/7/2019, tại phòng ngủ của gia đình ông Lê Đình H ở thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương, Lê Đình T đã dùng 01 con dao bằng kim loại dài 53cm, bản rộng 5cm đe dọa và chiếm đoạt của vợ chồng ông Lê Đình H và bà Trương Thị L số tiền 3.000.000 đồng.

[3] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đã thực hiện là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý dùng dao bằng kim loại (là phương tiện nguy hiểm) để đe dọa, chiếm đoạt tiền của ông H, bà L. Số tiền mà bị cáo chiếm đoạt là 3.000.000 đồng nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "cướp tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự. VKSND huyện Tứ Kỳ đã truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn có căn cứ. Ngoài hành vi chiếm đoạt của ông H, bà L số tiền 3.000.000 đồng, bị cáo còn có hành vi cầm 02 điện thoại di động để ở đầu giường của ông H, bà L và cho vào túi quần. Tuy nhiên, khi lấy điện thoại, bị cáo không có mục đích chiếm đoạt những tài sản này mà chỉ nhằm mục đích ngăn chặn không cho người bị hại gọi điện cầu cứu người khác; hơn nữa, giữa bị cáo và những người bị hại có mối quan hệ ruột thịt, khi bị cáo lấy điện thoại, cả ông H và bà L đều xác định bị cáo chỉ giữ điện thoại để không cho ông bà gọi điện cho người khác chứ không bị mất những tài sản này. Mặt khác, về thực tế, sau khi nhờ ông H đưa đến huyện Ninh Giang để chuộc xe máy, bị cáo đã tự nguyện trả lại ông H 02 chiếc điện thoại di động nên hành vi thu giữ điện thoại di động của bị cáo không xác định là hành vi cướp tài sản.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ra tâm lý hoang mang, dư luận không tốt, ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh xã hội tại địa phương. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với chính bố mẹ đẻ của mình và hành vi có tính chất quyết liệt, hung hãn thể hiện: Khi vào phòng ông H, bà L, bị cáo đã chủ động lấy dây nylon buộc cửa lại để ông H, bà L không thể chạy ra ngoài, đồng thời thu giữ 02 điện thoại ở đầu giường để ông H, bà L không gọi người đến cứu được; đồng thời bị cáo liên tục có lời nói đe dọa người bị hại nếu không đưa tiền thì phải chết nên cần phải xử lý

thật nghiêm khắc mới đủ tác dụng trừng trị, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[5] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; những người bị hại là ông H và bà L đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khóa 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản riêng, công việc và mức thu nhập không ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại là ông H và bà L tự nguyện cho bị cáo số tiền 3.000.000 đồng, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại gì khác nên trách nhiệm dân sự trong vụ án này không đặt ra giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với con dao bằng kim loại (dao tự chế) dài 53cm là công cụ phạm tội cần tịch thu tiêu hủy;

[10] Việc bị cáo T cầm cố xe máy của bạn đều được chủ sở hữu xe đồng ý nên không đặt ra xử lý hành vi này của T.

[11] Về án phí: Bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Đình T phạm tội “Cướp tài sản”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Đình T 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/8/2019.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 con dao kim loại (dao tự chế) dài 53cm (*đặc điểm vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 17/12/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tứ Kỳ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ*).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị

cáo Lê Đình T phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, những người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương, VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Cơ quan cảnh sát điều tra, Cơ quan THA hình sự, Bộ phận hồ sơ ngH vụ Công an huyện Tứ Kỳ;
- Trại tạm giam Kim Chi;
- Chi cục THADS huyện Tứ Kỳ;
- Sở Tư pháp Hải Dương;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hương Nhu